

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một tất yếu lịch sử mà các nước muốn đạt được trình độ phát triển đều phải trải qua. Việt Nam cũng phải thực hiện quá trình này và bắt đầu từ năm 1960. Song Việt Nam đã phải trải qua chiến tranh, nên công nghiệp hóa không được thực hiện có kết quả. Một số nước ASEAN cũng tương tự như Việt Nam song không phải qua chiến tranh nên đã thực hiện công nghiệp hóa đạt được những thành tựu và trở thành những "con rồng" của châu Á.

Tăng trưởng kinh tế cao

Để thu hẹp khoảng cách phát triển, cần phải có tốc độ tăng trưởng cao và bền vững. Chúng ta không thể tăng trưởng kinh tế với tốc độ thấp hơn 7% mà Trung Quốc trong những năm qua luôn đạt tới. Trong thời gian dài, rất ít nước đạt mức tăng trưởng bình quân 9-10% năm, các nước Đông Nam Á chỉ đạt mức trên dưới 7%. Trong thời kỳ 1996-2000 tốc độ tăng trưởng của VN đạt 6,7%, thấp hơn mức Trung Quốc, theo dự báo trong thời kỳ 2001-2010 tốc độ tăng trưởng VN dự kiến khoảng 7,2% và nếu thấp hơn mức này, chúng ta không thể đuổi kịp các nước cũng luôn luôn phấn đấu vươn lên. Vậy chúng ta phải tăng trưởng cao để thu hẹp khoảng cách với các nước, không tụt hậu so với các nước trong khu vực.

Xây dựng cơ cấu kinh tế mới

Một nền kinh tế phát triển và tăng trưởng bền vững không chỉ có nhịp độ cao mà quan trọng hơn là phải có cơ cấu hợp lý giữa các ngành, giữa các thành phần kinh tế xuất hiện theo hướng tích cực, phù hợp với yêu cầu và điều kiện của đất nước trong từng thời kỳ kế hoạch.

Để trở thành một nước công nghiệp năm 2020, cơ cấu kinh tế nước ta phải chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp dịch vụ và giảm tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2000, tỷ trọng công nghiệp chiếm 34,5%, dịch vụ chiếm 40,5% GDP. Theo tầm nhìn 2020 của các nước Đông Nam Á cơ cấu kinh tế chuyển

dịch mạnh sang công nghiệp hiện đại, dịch vụ hiện đại, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ mới và cấu trúc lại ngành ngân hàng. Việt Nam dự kiến năm 2010 tỷ trọng công nghiệp 40-41%, dịch vụ 42-43%, tỷ trọng nông nghiệp trong GDP còn khoảng 10%

Phát triển ngành, sản phẩm

Ngoài cơ cấu kinh tế chung, cần phải xây dựng cơ cấu sản phẩm hợp lý. Trên thị trường trong và ngoài nước hàng hóa của nước ta phải đối đầu, cạnh tranh gay gắt với các nước có trình độ phát triển cao hơn ở khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là với các nước ASEAN và Trung Quốc. Hơn nữa, những sản phẩm hàng hóa của ta phần lớn đồng dạng với các quốc gia này.

Xi măng sản xuất ở VN khoảng 50 USD/tấn, trong khi ở Thái Lan chỉ có 20 USD, nếu cộng thêm chi phí chuyên chở về VN khoảng 8 USD,

thuế nhập khẩu khoảng 8 USD với mức thuế 40% thì về đến cảng VN chỉ mới khoảng 36 USD/tấn, khi giảm thuế nhập khẩu xuống một nửa thì giá chỉ còn 32 USD, rẻ hơn xi măng sản xuất ở VN tới 56%

Thép xây dựng sản xuất tại VN từ thép thỏi nhập của Nga có giá cao hơn các nước trong khu vực khoảng 20 USD/tấn, cao hơn Hàn Quốc 10 USD và cao hơn Nga khoảng 30 USD/tấn. Hiện nay Nhà nước thực hiện chính sách bảo hộ, đánh thuế 40%.

Sản xuất gạo có chi phí thấp (chi phí/giá XK = 0,565), thấp hơn giá xuất khẩu FOB (chi phí SX = 60-70% giá FOB). Hiện nay thuế nhập khẩu gạo đang áp dụng ở VN là 10%. Lượng gạo VN nhập khẩu không nhiều, chủ yếu là gạo chất lượng cao và gạo của Trung Quốc giá rẻ, theo chương trình CEPT thuế nhập khẩu gạo còn khoảng 5% năm 2006. Mặc dù chất lượng gạo của VN có thấp

Xây dựng cơ cấu kinh tế mới nhằm tăng trưởng kinh tế cao và bền vững

PGS. TS. PHƯƠNG NGỌC THẠCH



Ảnh Diệp Đức Minh

hơn Thái Lan, nhưng khối lượng xuất khẩu gạo VN vẫn tăng.

Thủy sản: Tôm đông lạnh có chi phí sản xuất thấp, sử dụng nhiều lao động và xuất khẩu thủy sản VN hàng năm đều tăng.

May mặc: Sản xuất hàng may mặc có giá lao động rẻ, khéo léo, thu hút nhiều lao động, hiện nay gia công cho các nước EU, tương lai mở rộng thị trường sang Mỹ. Chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu chiếm đến 75-80%, giá trị thực thu chiếm đến 20-25%. Ngành may mặc chỉ nên phát triển trong điều kiện trong nước sản xuất nguyên phụ liệu. So sánh với hàng mỹ nghệ sản xuất chủ yếu bằng nguồn nguyên liệu có sẵn trong nước, giá trị thực thu của hàng mỹ nghệ xuất khẩu khá cao, chiếm đến 95-97% giá trị xuất khẩu, cao hơn nhiều so với xuất khẩu hàng dệt may. Điều đó có nghĩa, tăng thêm giá trị xuất khẩu 1 triệu USD hàng thủ công mỹ nghệ tương đương với tăng giá trị xuất khẩu 4,7 triệu USD hàng dệt may.

Da giày: có chi phí sản xuất không cao, công nghệ trung bình, thu hút lao động và gây ô nhiễm nên các nước chuyển giao công nghệ cho VN. Chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu chiếm đến 85-90%, cao hơn hàng dệt may, giá trị thực thu chiếm có 20-25%, thấp hơn dệt may.

Hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới, đặc biệt là việc tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Tổ chức thương mại quốc tế (WTO), Tổ chức hợp tác kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) đòi hỏi nước ta phải vươn lên tăng cường và mở rộng hợp tác bình đẳng với các nước.

Liên quan với lợi thế nhân công VN trẻ, dồi dào và giá nhân công thấp, hiện nay có ý kiến cho rằng, cần phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động vì đây là những ngành không yêu cầu cao về trình độ kỹ thuật và tỷ lệ lao động thất nghiệp của VN còn cao. Các chuyên gia nước ngoài đã cảnh báo VN có xu hướng phát triển các ngành công nghiệp nặng và thâm dụng vốn, sử dụng ít lao động. Báo cáo năm 1997 của Ngân hàng Thế giới cho thấy gần

đây trong thực tế nước ta đang dần dần nghiêng về phát triển công nghiệp nặng là những ngành sử dụng nhiều vốn và ít lao động. Trong khoảng thời gian 1990 - 1995, tỷ trọng của công nghiệp nặng, tính cả dầu khí, trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước đã gia tăng từ 42% lên 49%. Điều đó tác động đến tình trạng thất nghiệp và bán thất nghiệp gia tăng.

Cần chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, song điều đó không có nghĩa là hạn chế phát triển các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp nặng. Kinh nghiệm các nước NIC trong 3 thập kỷ công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, thập kỷ đầu xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động, thập kỷ tiếp theo công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật, vốn cao do các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động mất khả năng cạnh tranh quốc tế, sức lao động không còn là lợi thế nữa, thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20 thực hiện công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu các sản phẩm kỹ thuật cao có sức cạnh tranh lớn. Sự phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và vốn cao sẽ tạo tiền đề cho phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động phát triển có hiệu quả và do đó tăng trưởng tiếp tục, thu hút mạnh nguồn lao động vào sản xuất.

Toàn cầu hóa kinh tế

Toàn cầu hóa mở ra những cơ hội và thách thức. Các công ty xuyên quốc gia phát triển mạnh và đóng vai trò then chốt chiếm 40% tổng sản phẩm sản xuất của thế giới tư bản, 80% đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, sở hữu 90% thành quả nghiên cứu và kỹ thuật sản xuất, các công ty này định ra chiến lược phát triển kinh tế toàn cầu, hình thành hệ thống phân công lao động quốc tế kiểu mới.

Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa theo chiều hướng không lợi sẽ dẫn đến sự phân công lại lao động trên toàn thế giới, theo chiều hướng là các nước công nghiệp phát triển sẽ chiếm giữ quyền độc tôn sản xuất và làm chủ các sản phẩm công nghệ kỹ

thuật cao, các nước đang phát triển sẽ chịu lép vế, sản xuất các mặt hàng chiếm nhiều lao động, giá trị thấp, tốn nhiều nguyên liệu hơn.

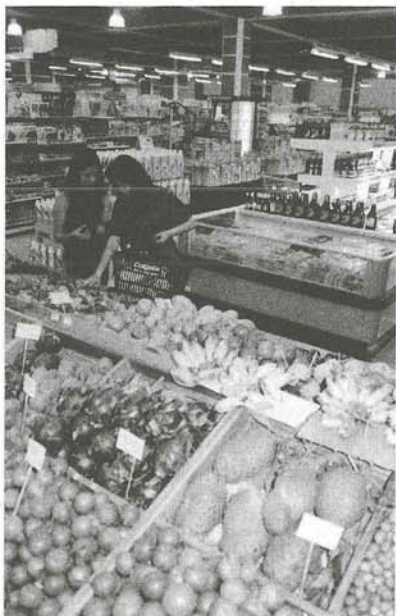
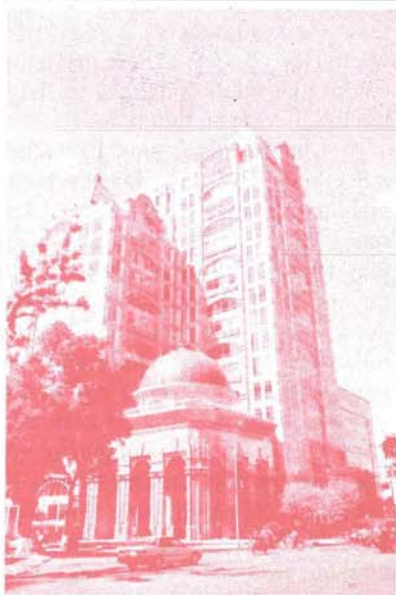
Chuyển giao, mua bán công nghệ, thông tin khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trong giai đoạn phát triển mới diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có sẽ tác động sâu sắc đến nền kinh tế và xã hội của mỗi quốc gia. Các nước công nghiệp phát triển, sẽ có những đổi mới sâu rộng bởi sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ với nội dung chủ yếu là những tiến bộ về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu... sẽ tìm cách chuyển giao toàn bộ những công nghệ cũ, lạc hậu, gây ô nhiễm sang các nước đang phát triển, những công nghệ này phù hợp với tiềm năng kinh tế và nhân lực của các nước đang phát triển. Mặt khác, do giá trị tiền công cao và ô nhiễm nên một số sản phẩm và công nghệ không cần giữ bí mật, tốn nhiều lao động và ô nhiễm môi trường được chuyển giao cho các nước có giá lao động rẻ hơn, đó là việc mà Hàn Quốc, Nhật, Mỹ, Đức... đang làm với các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Nếu chúng ta không có quyết sách xây dựng cơ cấu kinh tế mới tích cực sẽ hứng chịu toàn bộ những thiệt hại do toàn cầu hóa mang lại.

Kinh tế tri thức

Ngoài ra ngay từ năm 1960, các nhà tương lai học của Mỹ đã dự đoán: "Việc làm trong tương lai sẽ chuyển từ phương thức lao động bằng thể lực sang lao động bằng não lực". Xu hướng chuyển dịch ấy đang ngày càng thể hiện rõ nét, là xu thế vận động và phát triển khách quan của lịch sử quá trình sản xuất ở các nước hiện nay. Ngay ở Mỹ, nước có nền kinh tế phát triển cao lao động trí lực đã thu nạp đến 3/4 nhân lực của nước Mỹ. Xét về mặt tài sản do lao động trí tuệ sản xuất ra đang chiếm tỷ trọng ngày càng cao so với tổng giá trị sản xuất của nền kinh tế thế giới.

Phát triển nền kinh tế trí thức

Ảnh Hòa Tấn



Ảnh Diệp Đức Minh



mở ra những cơ hội lớn cho phát triển kinh tế. Nhân tố quan trọng nhất trong nền kinh tế tri thức không còn là tài nguyên thiên nhiên hoặc tiền vốn mà là con người có tri thức. Trong quá trình phát triển, tri thức là yếu tố quan trọng hơn nhiều so với các yếu tố vật chất khác và trở thành sản phẩm có giá trị cao, chiếm tỷ trọng áp đảo so với các sản phẩm vật chất khác trong GDP. Trong thời đại kinh tế tri thức nguồn nhân công dồi dào, rẻ ít được đào tạo không phải là ưu thế để phát huy nữa.

Đối với VN, xuất phát từ đặc điểm, kinh nghiệm của các nước, cũng như xu hướng hội nhập kinh tế thế giới, chỉ có xây dựng một cơ cấu sản phẩm hợp lý có cả những ngành có hàm lượng vốn và khoa học cao và những ngành có hàm lượng lao động cao, ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, ngành sản xuất tư liệu sản xuất thì mới có thể tăng trưởng kinh tế cao và bền vững.

Sản xuất tư liệu sản xuất

Việt Nam phải xây dựng cho bằng được một khu vực sản xuất tư liệu sản xuất. Công nghiệp này được gọi là "nặng" và bao gồm các ngành như điện lực, sắt thép, xi măng, hóa dầu, tuy nhiên cái lõi của khu vực sản xuất tư liệu sản xuất là các nhà máy cơ khí có nhiệm vụ sản xuất máy móc và các công cụ sản xuất khác. Khu vực sản xuất tư liệu sản xuất là cái lõi của chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nhanh khu vực này, đặc biệt là các nhà máy có nhiệm vụ sản xuất máy móc, các công cụ sản xuất, và tập trung mọi nỗ lực ưu tiên phát triển khu vực sản xuất tư liệu sản xuất này cũng nhằm phát huy nội lực đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bài học quan trọng nhất của các nước NIC trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, một cơ cấu sản phẩm phải tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế do nền kinh tế của các nước Đông Nam Á vẫn phụ thuộc vào các nước tư bản lớn về tư liệu sản xuất. Công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của VN. VN cần thực hiện chiến lược công nghiệp hóa sạch công nghệ cao

ngay từ đầu. Theo hướng đó VN cần tập trung phát triển các ngành công nghệ cao: công nghiệp cơ khí, công nghệ thông tin, công nghiệp vật liệu mới, công nghệ sinh học...

Trong kinh tế thị trường, để duy trì trật tự và ổn định xã hội làm tiền đề cho quá trình phát triển bền vững, chính sách xây dựng và chuyển dịch cơ cấu sản phẩm của VN cũng như ở nhiều nước quan tâm đến việc vạch ra một lộ trình công nghiệp hóa hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế: lúc ban đầu, chú trọng phát triển những ngành sử dụng nhiều lao động (như gia công quần áo, giày dép, hàng điện tử, đồ chơi trẻ em,...), như thời kỳ vừa qua và sau đó đến nay khi đã tạo được bước khởi động cần thiết, cần từng bước phát triển những ngành sử dụng nhiều vốn kỹ thuật và chất xám (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, vật liệu mới,...).

Phát triển các thành phần kinh tế

Cần xây dựng cơ cấu thành phần kinh tế hợp lý nhằm huy động toàn dân tham gia phát triển kinh tế đất nước.

Nhà nước ta thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân.

Chúng ta cần phải đi bằng hai chân, phát triển thành phần kinh tế quốc doanh, đồng thời phát triển thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, hỗ trợ nhau thì kinh tế nước ta mới tăng trưởng cao và bền vững. Thực vậy một nguồn lực khá lớn dưới dạng vốn đầu tư, đất đai và tài sản vẫn nằm trong tay thành phần kinh tế nhà nước, trong khi thành phần kinh tế tư bản tư nhân nước ta ít vốn, thiếu kỹ thuật, thường chỉ hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, nhà đất, chưa có khả năng lập được các nhà máy có hàng trăm triệu USD. Vì vậy chúng ta cần phát triển một cách tổng hợp, có thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế ngoài quốc doanh kết hợp với nhau thì mới nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nước ta.

Kinh tế nhà nước đóng vai trò

chủ đạo trong nền kinh tế. Sự tồn tại và phát triển kinh tế quốc doanh trong thời gian qua đã tác động quan trọng đến kinh tế xã hội nước ta, kinh tế quốc doanh nắm giữ những lĩnh vực mũi nhọn, then chốt, trong các ngành hoạt động công ích, cũng như một số ngành công nghiệp đòi hỏi vốn lớn, đóng góp đáng kể vào GDP, đóng góp cho ngân sách nhà nước lớn nhất. Tuy nhiên tồn tại lớn nhất của kinh tế quốc doanh là tình hình tài chính, nợ nần bê bối. Trong tương lai, kinh tế nhà nước vẫn đóng vai trò chủ đạo như bây giờ. Đối với các ngành công nghiệp nặng và các ngành thâm dụng vốn lớn cần xây dựng, thường nhà nước đầu tư xây dựng các doanh nghiệp nhà nước trong các ngành công nghiệp nặng, hóa chất, sau đó được cổ phần hóa.

Đồng thời cần phát triển thành phần kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân. Về bản chất kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân đều thuộc sở hữu tư nhân, khác biệt là ở quy mô doanh nghiệp, tổ chức và trình độ quản lý. Vừa qua Nghị quyết 2 về tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân khẳng định kinh tế cá thể tiểu chủ, kinh tế tư bản tư nhân thuộc sở hữu tư nhân.

Trong 10 năm qua khu vực kinh tế tư nhân nước ta đã phát triển mạnh mẽ. Năm 2000 cả nước có gần 10 triệu hộ kinh doanh cá thể và 92.850 DNTN đăng ký kinh doanh. Kinh tế tư nhân đóng góp hơn 42% tổng GDP, trong khi DNNN chiếm 39% tổng GDP, tạo nhiều việc làm cho xã hội chiếm 56,3% tổng số lao động có việc làm thường xuyên trong cả nước, năm 2001 khu vực kinh tế tư nhân nộp ngân sách nhà nước trên 11.075 tỷ đồng, chiếm 14,8% tổng thu ngân sách, biểu hiện chủ trương đứng đắn trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước trong phát huy nội lực.

Tuy nhiên các doanh nghiệp cá thể tư nhân hiện nay còn nhiều hạn chế, yếu kém chưa khai thác tận dụng được tiềm năng vốn có của nó, quy mô các doanh nghiệp còn nhỏ,

có tới 87,2% doanh nghiệp mức vốn dưới 1 tỷ đồng, trong đó 29,4% doanh nghiệp vốn dưới 100 triệu đồng, doanh nghiệp có vốn trên 10 tỷ đồng chỉ chiếm 1%, tuyệt đại bộ phận các doanh nghiệp tư nhân đều gặp khó khăn thậm chí gay gắt về vốn hoạt động, hơn 70% dựa vào vốn tự có, kỹ thuật công nghệ lạc hậu, khả năng tiếp cận thông tin yếu, có tới 79% doanh nghiệp nhỏ và vừa có mặt bằng sản xuất chật hẹp, bất tiện, tận dụng mặt bằng vườn ao của gia đình hoặc đi thuê lại của DNNN, đầu tư chưa nhiều vào lĩnh vực sản xuất, trình độ quản lý yếu nên sức cạnh tranh và hiệu quả hoạt động kinh doanh thấp.

Nhìn chung đến nay thách thức đối với doanh nghiệp tư nhân: thứ nhất giá đầu vào cao, thứ hai chi phí trung gian cao, so với năm 1996 giá xăng dầu tăng 42,2%, cước vận chuyển tăng 130%, tiền công tăng 75%, thuế sử dụng đất tăng 90,9%, điện tăng 37,5%, thứ ba máy móc thiết bị cũ lạc hậu, trình độ công nghệ lạc hậu khoảng 25-30 năm so với Thái Lan, thứ tư kinh nghiệm kinh doanh tiếp thị thông tin thị trường yếu kém, chưa có chiến lược kinh doanh, thứ năm bộ máy quản lý công kênh, thứ sáu chưa có nền tảng đạo đức kinh tế cần thiết.

Vì vậy việc làm cho các doanh nghiệp cá thể tư nhân thích nghi với những thay đổi về môi trường và đủ sức cạnh tranh là hết sức cần thiết. Bản thân các doanh nghiệp cá thể tư nhân cần nỗ lực đổi mới hoạt động, đồng thời Nhà nước cần tháo gỡ khó khăn để tạo sức bật mới cho các doanh nghiệp cá thể tư nhân.

Kinh nghiệm phát triển ở các nước theo kinh tế thị trường cho thấy là khi kinh tế càng phát triển thì khu vực kinh tế tư nhân càng mở rộng ra, khu vực kinh tế nhà nước bị thu hẹp lại.

Tiềm năng phát triển kinh tế tư nhân nước ta còn khá lớn. Theo ghi nhận hiện nay tại nhiều quốc gia trên thế giới, trung bình cứ 5 hoặc 7 người dân thì có một doanh nghiệp. Tỷ lệ này ở VN vào năm 2002 là hơn 1.000. Như vậy với dân số 76 triệu người, lượng tiềm năng dân theo

đánh giá không nhỏ, nước ta đang còn chỗ cho hàng triệu doanh nghiệp sẽ ra đời. Ngoài ra theo đánh giá của Ngân hàng Nhà nước VN, lượng kiều hối chuyển về nước trong năm 2002 ước 2,4 tỷ USD, gần bằng con số các nhà tài trợ quốc tế hứa cho VN vay trong năm 2003 (2,5 tỷ USD), một phần quan trọng của lượng kiều hối này được đưa vào đầu tư sản xuất kinh doanh. Hơn nữa tính đến thời điểm hiện nay có hơn 200 doanh nghiệp Việt kiều thành lập và hoạt động ở VN với vốn đầu tư hơn 300 triệu USD vào 50 dự án, chủ yếu trong các lĩnh vực dịch vụ thương mại, nhà hàng du lịch... quy mô đa phần nhỏ lẻ.

Trong tương lai chúng ta cần phát triển kinh tế cổ phần, xây dựng mô hình công ty mẹ, công ty con bền vững gắn giữa doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thực vậy chỉ có doanh nghiệp cổ phần mới có nguồn vốn lớn, đủ khả năng đổi mới công nghệ nâng cao khả năng cạnh tranh trong nền kinh tế, nhất là toàn cầu hóa, cạnh tranh trong nền kinh tế ngày càng quyết liệt. Trong doanh nghiệp cổ phần có đủ thành phần, có vốn nhà nước, vốn tập thể, vốn tư nhân, vốn trong nước, vốn nước ngoài.

Cổ phần hóa là một tất yếu khách quan do quá trình tích tụ, tập trung hóa ngày càng tăng, do tác động mạnh của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Nhất là toàn cầu hóa, cạnh tranh trong nền kinh tế ngày càng quyết liệt. Chỉ có cổ phần hóa mới có thể huy động một nguồn vốn lớn, nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Cơ cấu kinh tế nước ta phải là một cơ cấu kinh tế hiệu quả, bao gồm cả những ngành kinh tế trí thức công nghệ cao và những ngành kinh tế có hàm lượng lao động cao, ngành công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, ngành sản xuất tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng, không những thế bao gồm mọi thành phần kinh tế đều tham gia xây dựng nước ta thành một nước dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Chỉ có như vậy kinh tế nước ta mới tăng trưởng cao và bền vững ■